

Giấy xác nhận nguyện vọng quay lại làm việc
sau thời gian nghỉ chăm con năm reiya 8
令和8年度 育児休業復帰者の希望確認書

園CD :

Phiên âm (furigana)		Giới tính 性別	Ngày tháng năm sinh 生年月日				Độ tuổi đi học 学齡	
Họ tên bé 児童名		Nam ・ Nữ	Năm Reiya 令和	Năm 年	Tháng 月	Ngày 日	Trẻ 歳児 uổi ※令和8年4月1日現在の年齢 Lưu ý: Tuổi tính đến ngày 1 tháng 4 năm Reiya 8	
Nguyện vọng đăng ký 希望状況	☐ ① Có nguyện vọng trở lại làm việc ngay ☐ ② Trong trường hợp không thể được nhận vào nhà trẻ/cơ sở giữ trẻ theo nguyện vọng, có thể chấp nhận việc gia hạn thời gian nghỉ chăm con Lưu ý: Nếu chọn mục này, chỉ số điều chỉnh sẽ bị trừ điểm.							
Đăng ký nhận thông báo chờ xét duyet 保留通知 発行の希望	☐ 有 (Có) ☐ Trẻ tròn 1 tuổi vào tháng:()月 ☐ Trẻ tròn 1 tuổi 6 tháng vào tháng:()月 ☐ Tháng mong muốn khác (ngoài mốc 1 tuổi/1 tuổi 6 tháng):()月 Lưu ý: Đăng ký nhận thông báo chờ xét duyệt sẽ được phát hành trong trường hợp tháng đề nghị phát hành nằm trong khoảng từ tháng 4 năm Reiya 8 đến tháng 3 năm Reiya 9 và khi đó không có chỗ trống. ☐ 無 (Không)							
Tháng đề nghị điều chỉnh lại 再調整 希望月	Dành cho người đã chọn mục ② “Trong trường hợp không thể được nhận vào nhà trẻ/cơ sở giữ trẻ theo nguyện vọng, có thể chấp nhận việc gia hạn thời gian nghỉ chăm con” Có nguyện vọng quay lại làm việc ngay từ đợt điều chỉnh tiếp nhận nhập học theo ()tháng Lưu ý: Nếu có nguyện vọng cho trẻ làm quen, vui lòng ghi rõ tháng bắt đầu							
保 育 課 確 認 欄	個人 コード						受付 番号	受付者